

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/7/2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con "

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Phạm Thế Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi

**- Thư ký phiên tòa:** Lê Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST - HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980; ĐKKH và cư trú tại: Tô A, thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Chị Ngô Thị T1, sinh năm 1988; ĐKKH và trú tại: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Anh và chị Ngô Thị T1 đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là quê của anh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh được khoảng gần 2 năm thì phát mẫu. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ năm 2014 chị T1 bỏ về quê sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T1 để tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012. Khi ly hôn anh nhường quyền cho chị T1 được nuôi con và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T1.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung; khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn trong vụ án chị Ngô Thị T1 trong bản tự khai ngày 06/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án:*

Chị và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 tại UBND xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là quê của anh T. Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống cùng gia đình anh T tại xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa được thời gian khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên từ năm 2014 đến nay chị và anh T sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con: Chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có. Vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngọc H khi được hỏi ý kiến có nguyện vọng xin được ở với chị T1 khi bố mẹ ly hôn.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt do công việc và do đường xa đi lại khó khăn.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng:*

- Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung:*

- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a, khoản 5 Điều 27** Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Ngô Thị T1.

- Giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị T1.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị Ngô Thị T1, có địa chỉ cư trú tại xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Ngô Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là quê của anh T năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian tại xã X, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là quê của anh T. Trong thời gian ở tỉnh Khánh Hòa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn không khắc phục được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Theo anh T nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị T1 bỏ về quê ở từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nên anh yêu cầu giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống

Về phía chị T1 cũng xác định nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ năm 2014 đến nay chị và anh T sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T ly hôn chị cũng nhất trí.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T1 cư trú, đại diện UBND xã K sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị T1 về quê của anh T làm ăn sinh sống. Khoảng từ năm 2014 đến nay thì chị T1 và con về địa phương sinh sống mà không có anh T về cùng; về nguyên nhân cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì anh T, chị T1 không thường xuyên ở địa phương. Đối với việc anh T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với chị T1 thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy có đủ căn cứ xác định giữa anh T và chị T1 trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống; Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ giữa năm 2014.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh **T** và chị **T1** hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh **T** giải quyết ly hôn với chị **T1** là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Anh **T** và chị **T1** xác định vợ chồng có 01 con chung tên là **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 24/11/2012.

Khi ly hôn anh nhường quyền cho chị **T1** được nuôi con chung, anh không phải đóng góp tiền nuôi con chị **T1**; về phía chị **T1** xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh **T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị; con chung của anh chị có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xét thấy cháu **H** hiện đang do chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng, ổn định chỗ ở, sinh hoạt và học tập; mặt khác con chung có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung cho chị **T1** trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục

[5] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh **T** phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh **Nguyễn Ngọc T** với chị **Ngô Thị T1**.

2. Giao chị **Ngô Thị T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung tên là **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 24/11/2012 đến khi con thành niên.

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **Nguyễn Ngọc T** phải nộp 300.000<sup>d</sup> nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002186 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, anh **T**, chị **T1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**